





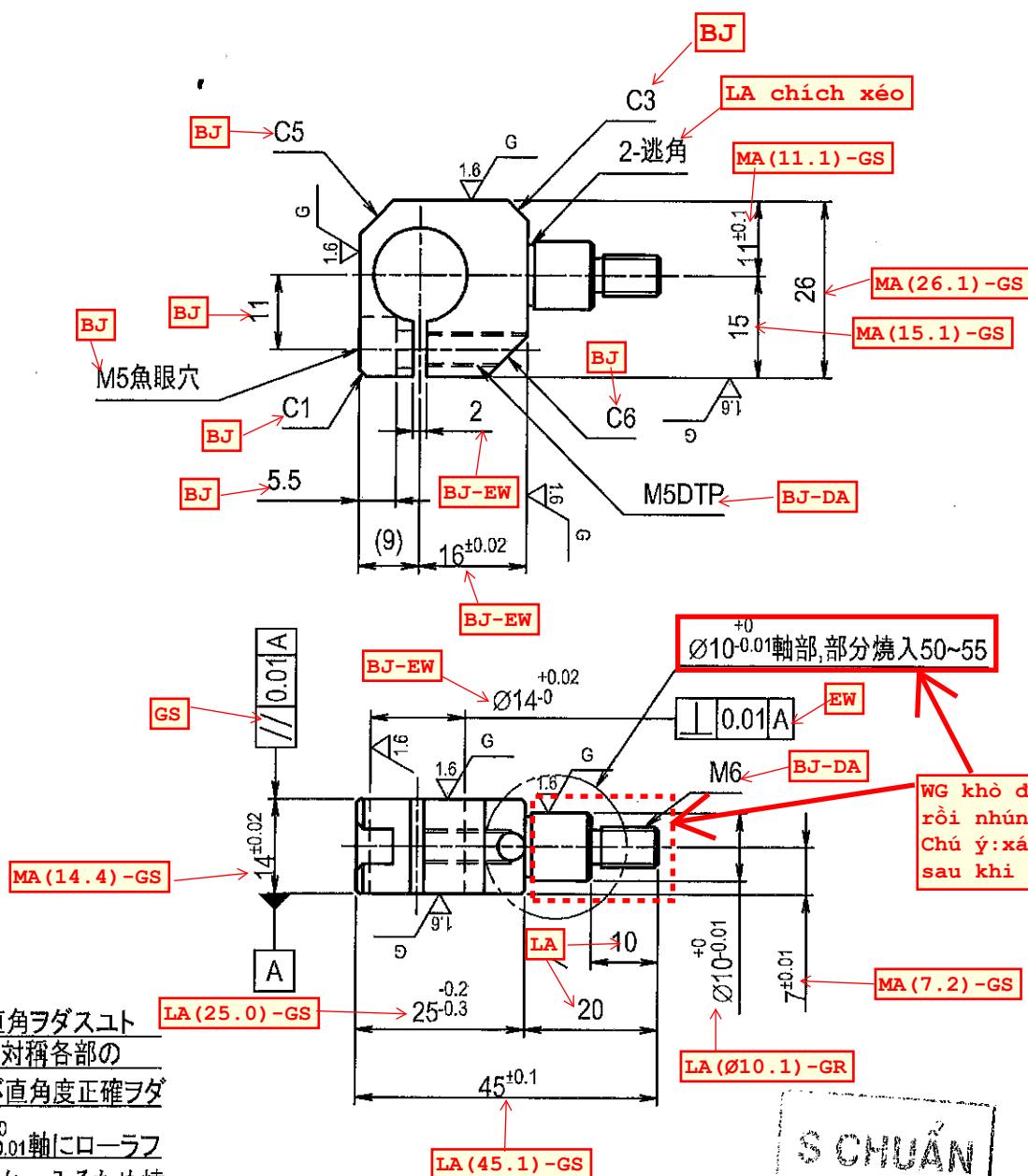



REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE		
init.	2014/04/29	<div>XUẤT BẢN VẼ</div> <div>BẢN VẼ DÙNG</div> <div>CHẾ TẠC - NGHIỆM THU</div>			o.Shou_Hsuen	0.5 ≤ , ≤ 6	±0.1	
							6 < , ≤ 30	±0.2
							30 < , ≤ 120	±0.3
							120 < , ≤ 315	±0.5
						TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED		
						FINISH MARKS		
								



1. 全角直角ヲダスコト  
2. A基準対稱各部の  
平行アビ直角度正確ヲダ  
スコト  
3.  $\phi 10.0_{-0.01}^{+0}$ 軸にローラフ  
ォロローかー入るため焼  
入をこと

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Cheng_Chung_Chi	Ho_Shou_Hsuan	部品図		ブロック
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		BLOCK
HRC 0° ~ 0°	<del>SETUP</del> SOB	部品図		塾塊
		部品図		塾塊
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
SK3	2014/04/29	1:1		<b>S892369</b>

SNO: <b>S892369</b>	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: <b>10197</b>	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SK-3</b> <b>Ø32*50</b>	LA:60 MA:30 BJ:30 DA:10 WG:30 GR:40 GS:60 EW:75 AF:15 AB:10 KT